

Số: 3276 /BTC-HCSN  
V/v Báo cáo tình hình thực hiện  
chính sách khuyến khích XHH

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: .....

1. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa (XHH) đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP. Theo đó, tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP đã quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách khuyến khích XHH, cụ thể:

- Khoản 10 Điều 18 Chương V Nghị định số 69/2008/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa của địa phương theo từng lĩnh vực vào tháng 1 hàng năm và gửi các Bộ quản lý chuyên ngành để tổng hợp gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ”*.

- Khoản 9 Điều 17 Mục V Nghị định số 69/2008/NĐ-CP quy định: Các Bộ quản lý chuyên ngành... *“báo cáo đánh giá tình hình thực hiện xã hội hoá thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa của toàn ngành và gửi về Bộ Tài chính vào tháng 2 hàng năm để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ”*.

Đến nay, Bộ Tài chính chưa nhận được báo cáo tình hình XHH năm 2019 của Quý cơ quan (*Trong giai đoạn vừa qua, Bộ Tài chính chỉ nhận được các báo cáo của Quý cơ quan sau khi Bộ Tài chính có văn bản đề nghị báo cáo*).

2. Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã giao Bộ Tài chính: *Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích ưu đãi tạo điều kiện đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường và thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công*.

Theo đó, để có cơ sở nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các cơ chế chính sách về khuyến khích XHH theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan thực hiện chế độ thông tin báo cáo về chính sách khuyến khích XHH hàng năm theo đúng

quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP và giai đoạn 2008-2019. Đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích XHH để Bộ Tài chính nghiên cứu tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Đề cương nội dung báo cáo theo phụ lục đính kèm)*

Văn bản báo cáo của Quý cơ quan đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 15/4/2020 để tổng hợp.

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, HCSN (6b)



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Văn Hiếu**

## **Phụ lục**

### **Đề cương nội dung báo cáo về tình hình thực hiện chính sách khuyến khích XHH**

*(Kèm theo công văn số 3276 /BTC-HCSN ngày 20/3/2020 của Bộ Tài chính)*

1. Về ban hành các chính sách khuyến khích XHH của ngành/địa phương giai đoạn 2008 đến nay:

Thống kê các văn bản đã được ban hành đến năm 2019 (từ khi Nghị định 69 có hiệu lực thi hành) *(Liệt kê theo các nhóm vấn đề: Quy hoạch, kế hoạch mạng lưới phát triển các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực quản lý; tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH).*

2. Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích XHH của ngành/địa phương:

- Số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích XHH được thành lập, cấp giấy phép hoạt động giai đoạn 2008-2018 và năm 2019 theo các nội dung: *(i)* loại dự án (thành lập mới cơ sở XHH ngoài công lập; cơ sở XHH có vốn đầu tư nước ngoài; hoạt động liên doanh liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập), *(ii)* quy mô hoạt động, số vốn thực hiện.

- Tổng số kinh phí ngân sách nhà nước đã bố trí để triển khai thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng trước khi giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực khuyến khích XHH giai đoạn 2008-2018 và năm 2019 (nếu có).

*(Báo cáo số liệu theo Biểu 01 đính kèm).*

3. Các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và nguyên nhân.

4. Giải pháp thúc đẩy khuyến khích XHH các lĩnh vực sự nghiệp công giai đoạn 2021-2025 và 2030:

- Về hoàn thiện cơ chế chính sách;
- Về tổ chức thực hiện.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÓA**

(Theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008)

(Kèm theo công văn số 3276/BTC-HCSN ngày 20/3/2020 của Bộ Tài chính)

STT	LOẠI HÌNH XÃ HỘI HÓA	Giai đoạn 2008- 2019										NSNN đã bố trí để hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có) (tỷ đồng)
		Tổng dự án XHH đã được cấp phép và hoạt động		Kinh phí đầu tư của các dự án XHH (tỷ đồng)		Diện tích đất đã bố trí cho các cơ sở XHH (m2)		Vốn đầu tư		Liên doanh, liên kết của đơn vị SNCL		
		NCL	Vốn đầu tư nước ngoài	NCL	Vốn đầu tư nước ngoài	NCL	Vốn đầu tư nước ngoài	NCL	Vốn đầu tư nước ngoài	NCL	Vốn đầu tư nước ngoài	
	<b>Tổng cộng</b>											
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ</b>											
<i>I.1</i>	<i>Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, trong đó:</i>											
a	Cơ sở Giáo dục mầm non											
b	Cơ sở Giáo dục phổ thông											
c	Cơ sở Giáo dục Đại học											
<i>I.2</i>	<i>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</i>											
a	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp											
b	Trường Trung cấp											
c	Trường Cao đẳng											
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ - ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>											
<i>II.1</i>	<i>Lĩnh vực y tế</i>											
a	Cơ sở khám, chữa bệnh											
b	Cơ sở y tế dự phòng											
c	Cơ sở khác											
<i>II.2</i>	<i>Lĩnh vực Đảm bảo xã hội</i>											
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO</b>											
<i>III.1</i>	<i>Lĩnh vực Văn hóa</i>											
<i>III.2</i>	<i>Lĩnh vực thể thao</i>											
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>											

Ghi chú: (\*) NCL: Ngoài công lập  
 (\*\*) SNCL: Sự nghiệp công lập

# **DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA**

## **I. Các Bộ:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
3. Bộ Y tế
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường
6. Bộ Tư pháp.

**II. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (63 tỉnh thành phố)**